

Bản án số: 93/2020/DS-ST.

Ngày: **14-9-2020**.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Xương**;

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Cúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: ông **Dương Thanh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 53/2, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 53/2, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền ngày 10/8/2020 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Vũ L, sinh ngày 17/7/2001.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2020 của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:*

- Vào tháng 4/2019 ông T có hốt hụi của bà Trần Thị H ngụ cùng ấp để cho ông Võ Vũ L vay số tiền là 17.000.000đồng, lãi suất là 5%/tháng, thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản.

- Vào tháng 7/2019 ông T có hốt hụi của bà Võ Thị H1 ngụ cùng ấp để cho ông Võ Vũ L vay số tiền là 11.000.000đồng, lãi suất là 5%/tháng, thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản.

Ông L hứa đóng lãi hàng tháng nhưng từ khi vay đến nay ông L chỉ trả lãi được số tiền là 1.000.000đồng, đến nay ông L không đóng lãi cũng không trả vốn mặt dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ.

Ông Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Võ Vũ L trả cho ông số tiền vốn gốc là 28.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 17.000.000đồng kể từ ngày 01/5/2019 và đối với số tiền 11.000.000đồng kể từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý khấu trừ 1.000.000đồng tiền lãi suất ông L đã trả vào tiền lãi. Tại phiên tòa bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Vũ L trình bày:*

Ông L thừa nhận có vay tiền của ông T hai lần tổng cộng là 28.000.000đồng tiền vốn như ông T trình bày là đúng sự thật nhưng lãi suất là 10%/tháng, ông đã trả đủ vốn và lãi vào khoảng tháng 9/2019, khi vay và trả đều không có giấy tờ gì cũng không ai làm chứng nên ông không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Ông đã trả đủ, không trả nữa.

Bà D không thừa nhận việc ông L cho rằng đã trả đủ tiền vốn và lãi vào khoảng tháng 9/2019 như ông L trình bày. Bà chỉ thừa nhận việc ông L trả lãi được 1.000.000đồng, bà đồng ý khấu trừ vào tiền lãi.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc ông Võ Vũ L trả cho ông T số tiền vốn gốc là 28.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 17.000.000đồng kể từ ngày 01/5/2019 và đối với số tiền 11.000.000đồng kể từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ 1.000.000đồng ông L đã trả vào tiền lãi suất là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Vũ L trả cho ông T số tiền vốn gốc là 28.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 17.000.000đồng kể từ ngày 01/5/2019 và đối với số tiền 11.000.000đồng kể từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý khấu trừ 1.000.000đồng ông L đã trả vào tiền lãi suất.

[1.2] Bị đơn đã thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn hai lần như nguyên đơn trình bày tổng số tiền vay là 28.000.000đồng là đúng sự thật nhưng lãi suất là 10%/tháng, ông đã trả đủ vốn và lãi vào khoảng tháng 9/2019, khi vay và trả không có giấy tờ gì cũng không ai làm chứng nên ông không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Ông đã trả đủ, không trả nữa. Ông L thừa nhận giữa ông và nguyên đơn không có tranh chấp về hợp đồng góp hội như đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn mà chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngoài ra bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác liên quan đến vụ án kể cả người làm chứng, các bên cũng không yêu cầu triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng tham gia tố tụng trong vụ án. Sự việc này đã được bà Trần Thị H và bà Võ Thị H1 thừa nhận là không có liên quan đến bà H và bà H1, bà H và bà H1 đã có lời khai tại Tòa án và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này vì thỏa T góp hội của họ với ông T không có tranh chấp và cũng không liên quan đến ông L nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc họ từ chối tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ông L đã thừa nhận có vay số nợ trên thì nguyên đơn không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà D không thừa nhận việc ông L cho rằng đã trả đủ tiền vốn và lãi vào khoảng tháng 9/2019. Bà chỉ thừa nhận việc ông L trả lãi được 1.000.000đồng nên việc bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ thì căn cứ vào khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn nhưng bị đơn không xác định được đã trả bao nhiêu tiền và không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền đã trả. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy rằng: bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền trên và cho rằng đã trả đủ không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Vì nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và bị đơn không có yêu cầu phản tố nên việc tự thỏa T lãi suất giữa các bên không đặt ra xem xét.

[2] Từ những phân tích ở Mục [1] là có căn cứ để buộc ông Võ Vũ L trả cho ông Huỳnh Ngọc T số tiền vốn gốc là 28.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền 17.000.000đồng kể từ ngày 01/5/2019 và đối với số tiền 11.000.000đồng kể từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ 1.000.000đồng ông L đã trả vào tiền lãi suất là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể như sau:

* Phần thứ nhất: Từ ngày 01/5/2019 đến ngày 14/9/2020 là 16 tháng 14 ngày.

Lãi suất 20%/năm = 1,666%/tháng.

Tiền vốn 17.000.000đồng x 1,666%/tháng x 16 tháng 14 ngày = 4.663.680đồng.

* Phần thứ hai: Từ ngày 01/8/2019 đến ngày 14/9/2020 là 13 tháng 14 ngày.

Lãi suất 20%/năm = 1,666%/tháng.

Tiền vốn 11.000.000đồng x 1,666%/tháng x 13 tháng 14 ngày = 2.467.892đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 7.131.572đồng - 1.000.000đồng = 6.131.572đồng.

[3] Đề Nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T.

Buộc ông Võ Vũ L có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Ngọc T tổng số tiền là 34.131.572 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó vốn gốc là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng), lãi suất là 6.131.572 đồng (Sáu triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Huỳnh Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Võ Vũ L phải trả cho ông Huỳnh Ngọc T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Vũ L phải chịu 1.706.578 đồng (Một triệu bảy trăm L sáu nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Ngọc T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004349 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đường sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH